

- acute coronary syndromes. *European heart journal*. Oct 12 2023;44(38):3720-3826. doi:10.1093/eurheartj/ehad191
3. **Ibanez B, James S, Agewall S, et al.** 2017 ESC Guidelines for the management of acute myocardial infarction in patients presenting with ST-segment elevation: The Task Force for the management of acute myocardial infarction in patients presenting with ST-segment elevation of the European Society of Cardiology (ESC). *European heart journal*. Jan 7 2018;39(2):119-177. doi:10.1093/eurheartj/ehx393
 4. **Wald DS, Morris JK, Wald NJ, et al.** Randomized trial of preventive angioplasty in myocardial infarction. *The New England journal of medicine*. Sep 19 2013;369(12):1115-23. doi:10.1056/NEJMoa1305520
 5. **Szumner K, Wallentin L, Lindhagen L, et al.** Improved outcomes in patients with ST-elevation myocardial infarction during the last 20 years are related to implementation of evidence-based treatments: experiences from the SWEDEHEART registry 1995-2014. *European heart journal*. Nov 1 2017;38(41):3056-3065. doi:10.1093/eurheartj/ehx515
 6. **Gershlick AH, Khan JN, Kelly DJ, et al.** Randomized trial of complete versus lesion-only revascularization in patients undergoing primary percutaneous coronary intervention for STEMI and multivessel disease: the CvLPRIT trial. *Journal of the American College of Cardiology*. Mar 17 2015;65(10):963-72. doi:10.1016/j.jacc.2014.12.038
 7. **Engström T, Kelbæk H, Helqvist S, et al.** Complete revascularisation versus treatment of the culprit lesion only in patients with ST-segment elevation myocardial infarction and multivessel disease (DANAMI-3—PRIMULTI): an open-label, randomised controlled trial. *Lancet (London, England)*. Aug 15 2015;386(9994):665-71. doi:10.1016/s0140-6736(15)60648-1
 8. **Ibrahim H, Sharma PK, Cohen DJ, et al.** Multivessel Versus Culprit Vessel-Only Percutaneous Coronary Intervention Among Patients With Acute Myocardial Infarction: Insights From the TRANSLATE-ACS Observational Study. *Journal of the American Heart Association*. Oct 5 2017;6(10)doi:10.1161/jaha.117.006343
 9. **Kim LK, Yeo I, Cheung JW, et al.** Thirty-Day readmission rates, timing, causes, and costs after ST-Segment-Elevation myocardial infarction in the United States: a national readmission database analysis 2010–2014. *Journal of the American Heart Association*. 2018;7(18):e009863.

TRẢI NGHIỆM CỦA SINH VIÊN VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC LIÊN NGÀNH TRONG GIÁO DỤC Y KHOA TẠI ĐẠI HỌC Y DƯỢC TPHCM

Huỳnh Thụy Phương Hồng¹, Dương Duy Khoa¹,
Trần Thụy Khánh Linh¹, Lê Khắc Bảo¹, Nguyễn Thị Mai Hoàng¹

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Hợp tác liên ngành hiệu quả là một trong những yêu cầu cần thiết trong đảm bảo chất lượng điều trị và chăm sóc hướng tới lấy người bệnh làm trung tâm và an toàn người bệnh. Giáo dục liên ngành (IPE) là môn học quan trọng hỗ trợ sinh viên trang bị những kỹ năng phối hợp và làm việc nhóm từ đó làm tăng hiệu quả chăm sóc người bệnh. **Mục tiêu:** Tìm hiểu sâu về cảm nhận và trải nghiệm của sinh viên sau khi tham gia môn giáo dục liên ngành tại ĐHY Dược Thành phố Hồ Chí Minh. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu định tính trên 20 sinh viên bốn ngành Y đa khoa, Điều dưỡng, Dược và Phục hồi chức năng có tham gia học môn giáo dục liên ngành 1 (IPE1) tại ĐHY Dược Thành phố Hồ Chí Minh, được chia thành 3 nhóm thảo luận. Dữ liệu được phân tích theo phương pháp "Phân tích theo mô hình" (Framework analysis) dựa vào mô hình "giáo dục đa ngành tập trung vào phối hợp lấy người bệnh làm trung tâm" (Interprofessional Education for

Collaborative Patient-centered Practice – IECPCP). **Kết quả nghiên cứu:** Kết quả nghiên cứu cho thấy tác động của IPE lên nhiều cấp độ kiến thức, thái độ và kỹ năng liên quan đến phối hợp liên ngành và làm việc nhóm trên sinh viên khối ngành sức khỏe. Sinh viên cho biết đã: 1) thay đổi và nâng cao nhận thức về vai trò các ngành nghề thông qua nhóm mệnh đề "nhận diện và nhận thức"; 2) nâng cao kỹ năng giao tiếp và làm việc phối hợp thông qua nhóm mệnh đề "giao tiếp và phối hợp"; và 3) đạt được sự tôn trọng và thấu hiểu các ngành nghề khác thông qua nhóm mệnh đề "tôn trọng và thấu hiểu". **Kết luận:** Nghiên cứu là bước đầu tiên xác định sự đóng góp của IPE trong giáo dục đại học khối ngành sức khỏe dựa theo năng lực tại đại học Y Dược TPHCM. Kết quả nghiên cứu có thể tạo tiền đề cho các nghiên cứu sâu hơn nhằm khảo sát hiệu quả các chiến lược mà chương trình giáo dục đại học có thể áp dụng phát triển năng lực liên ngành. **Từ khóa:** Giáo dục liên ngành, Interprofessional Education, IPE

SUMMARY

STUDENTS' PERCEPTION OF INTERPERSONAL PROFESSIONAL EDUCATION AT THE UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY AT HO CHI MINH CITY

Introduction: Effective Interprofessional Education (IPE) is one essential requirement to ensure

¹Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm chính: Huỳnh Thụy Phương Hồng

Email: huynhthuyphuonghong@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 3.01.2024

Ngày phản biện khoa học: 21.2.2024

Ngày duyệt bài: 6.3.2024

healthcare quality which focuses on patient-centered care and patient safety. The IPE also helps students self-prepared of interprofessional and teamwork competencies, and thus they can improve the effectiveness of patient care. **Objective:** To explore students' perception of interpersonal professional education at the University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City. **Methods:** The qualitative research was undertaken on 20 students of four majorities including General Medicine, Nursing, Pharmacy, and Rehabilitation who participated in the IPE at the University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City, divided into 3 focused group discussions. The research applied the "Framework analysis" method following the model of "Interprofessional Education for Collaborative Patient-centered Practice - IECCPP). **Results:** Research results show the impact of IPE on many levels of knowledge, attitudes, and skills related to interprofessional teamwork among health students. Students reported their perception of 1) changed and increased awareness of the roles of professions through the group of clauses "identification and awareness"; 2) improved communication and collaborative working skills through the group of clauses "communication and coordination"; and 3) achieved respect and understanding of other professions through the "respect and understanding" clause group. **Conclusions:** This is the first step to explore the contribution of IPE in competency-based education at the University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City. The research results provide the basis background for further research to investigate the effectiveness of strategies that educational programs can apply to develop interprofessional competencies.

Keywords: Interprofessional Education, IPE

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Giáo dục Liên ngành (IPE) diễn ra khi "sinh viên từ hai ngành nghề trở lên tìm hiểu về nhau, từ nhau và với nhau để có thể hợp tác hiệu quả hướng tới cải thiện kết quả sức khỏe" [8]. Dịch vụ chăm sóc an toàn, chất lượng cao, dễ tiếp cận, lấy người bệnh làm trung tâm đòi hỏi sự phát triển liên tục các năng lực liên ngành [5,9] và IPE đã nhiều lần được đề cập nhằm hỗ trợ sinh viên khối ngành sức khỏe được trang bị năng lực hợp tác, cộng tác và phối hợp hiệu quả trong công việc [5,7,9]. IPE được thiết kế để cải thiện kỹ năng tương tác, giao tiếp và làm việc theo nhóm giữa các ngành nghề chăm sóc sức khỏe khác nhau [8]. Các chuyên gia chăm sóc sức khỏe khác nhau cần phải tìm hiểu về kiến thức, kỹ năng và chuyên môn của từng người trong nhóm để nhóm hoạt động tốt. Tuy nhiên, IPE nên được thiết lập trong một môi trường học tập có đạo đức và minh bạch, an toàn và ở đó nhu cầu của tất cả các chuyên gia chăm sóc sức khỏe được xem xét bình đẳng và sự đa dạng của họ được công nhận [1,3].

Ngày càng nhiều nghiên cứu thực nghiệm cho thấy rằng IPE có thể có tác động có lợi đến thái độ, kiến thức, kỹ năng và hành vi của người học (hay còn gọi là năng lực hợp tác) [8] và có thể ảnh hưởng tích cực đến thực hành nghề nghiệp và kết quả của người bệnh [5]. IPE có thể nâng cao thái độ đối với tinh thần đồng đội và cộng tác của khoa, dẫn đến việc chăm sóc người bệnh được cải thiện. Tuy nhiên IPE vẫn còn là một khái niệm khá mới trong giáo dục y học tại Việt Nam. Cụ thể, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (UMP) đã xây dựng và triển khai chương trình giáo dục liên ngành từ 2019 và bước đầu đánh giá hiệu quả của IPE. Một trong những tác động của IPE chính là những trải nghiệm của sinh viên khi tham gia môn học IPE. Nhằm góp phần cung cấp thêm thông tin khoa học cho quá trình áp dụng và điều chỉnh môn học IPE trong giáo dục khối ngành sức khỏe, nghiên cứu định tính mô tả với mục tiêu nghiên cứu: *Tìm hiểu sâu về cảm nhận và trải nghiệm của sinh viên sau khi tham gia môn giáo dục liên ngành tại ĐH Y Dược TpHCM*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

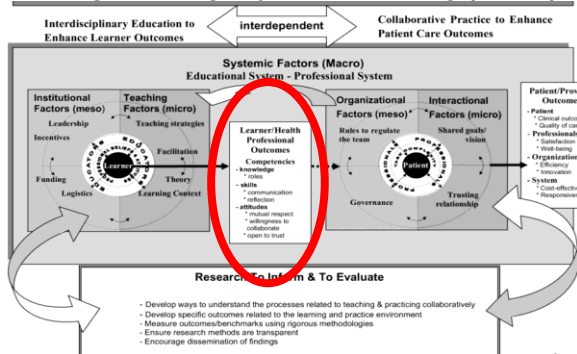
Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu định tính với phương pháp phỏng vấn thảo luận nhóm được thực hiện trên 20 sinh viên các ngành Y đa khoa, Điều dưỡng, Phục hồi chức năng và Dược, chia thành 3 nhóm, diễn ra từ 09/2021 đến 01/2023.

Đối tượng nghiên cứu: Sinh viên được chọn theo chủ đích, là những người có tham gia học môn giáo dục liên ngành 1 (IPE1) tại UMP.

Công cụ thu thập số liệu: Nghiên cứu viên sử dụng bảng hướng dẫn phỏng vấn thảo luận nhóm (group discussion guide) trực tuyến. Mỗi buổi thảo luận (có ghi âm) kéo dài từ 60-90 phút.

Phân tích số liệu: Dữ liệu được phân tích theo phương pháp "Phân tích theo mô hình" (Framework analysis) dựa vào mô hình "giáo dục đa ngành tập trung vào phối hợp lấy người bệnh làm trung tâm" (Interprofessional Education for Collaborative Patient-centered Practice – IECPCP) [2,4]. Theo IECPCP, có ba mức độ yếu tố liên quan đến IPE cần chú ý bao gồm: 1) Mức độ vi mô (Micro level) là những yếu tố liên quan đến giảng dạy; 2) Mức độ tầm trung (Meso level) là những yếu tố liên quan đến thể chế đơn vị; và 3) Mức độ vĩ mô (Macro level) là những yếu tố liên quan đến hệ thống. Các yếu tố thuộc ba mức độ này được xem xét và tương thích trong quá trình xây dựng và triển khai học phần giáo dục liên ngành tại đại học Y Dược TpHCM. Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết này, nghiên cứu tập trung tìm hiểu những trải nghiệm của bản thân người

học bao gồm kiến thức về vai trò ngành nghề, kỹ năng giao tiếp và tự phản tỉnh, cũng như thái độ tôn trọng, sẵn sàng hợp tác và tin tưởng (Hình 1)



Hình 1: Mô hình khái niệm về giáo dục liên ngành tập trung vào phối hợp lấy người bệnh làm trung tâm - IECPCP [2,4]

Đạo đức trong nghiên cứu. Đề cương nghiên cứu đã được chấp thuận về mặt đạo đức từ Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh trong nghiên cứu y sinh học số 448/HĐĐĐ-ĐHYD ngày 21 tháng 06 năm 2021.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Có 20 sinh viên phản hồi chấp thuận tham gia nghiên cứu với đặc điểm dân số học mô tả trong bảng 1.

Bảng 1. Đặc điểm dân số tham gia nghiên cứu (n=20)

	Tần số (%)	Trung bình (Độ lệch chuẩn)
Tuổi		20,1 (0,96)
Giới tính		
Nam	6 (30)	
Nữ	14 (70)	
Dân tộc		
Kinh	20 (100)	
Khác	0 (0)	
Ngành học		
Y đa khoa	8 (40)	
Điều dưỡng	4 (20)	
Dược	3 (15)	
Phục hồi chức năng	5 (25)	

Kết quả nghiên cứu cho thấy sự tương thích với khung khái niệm về giảng dạy phối hợp liên ngành tập trung vào hợp tác lấy người bệnh làm trung tâm (IECPCP). Sinh viên cho biết đã: 1) thay đổi và nâng cao nhận thức về vai trò các ngành nghề thông qua nhóm mệnh đề "nhận diện và nhận thức"; 2) nâng cao kỹ năng giao tiếp và làm việc phối hợp thông qua nhóm mệnh đề "giao tiếp và phối hợp"; và 3) đạt được sự tôn trọng và thấu hiểu các ngành nghề khác thông qua nhóm mệnh đề "tôn trọng và thấu hiểu".

Nhận diện (recognition) và nhận thức (acknowledgement). Sinh viên ghi nhận sự nhận thức rõ ràng hơn vai trò và tầm quan trọng của các ngành nghề khác trong điều trị và chăm sóc người bệnh. Vai trò bác sĩ và điều dưỡng được ghi nhận là quen thuộc nhất đối với tất cả các ngành nghề, trong khi dược lâm sàng và phục hồi chức năng được đánh giá là chưa được hiểu rõ ràng trong chăm sóc người bệnh.

SV3: ...như tụi em học y thì tụi em sẽ hiểu công việc của điều dưỡng. Nhưng một số công việc như là dược hoặc là phục hồi chức năng thì tụi em cũng chưa có hiểu hết, và hồi trước em chỉ tưởng phục hồi chức năng là tập tay chân cho người bệnh, chứ không phải là có một cái chuyên ngành riêng về phục hồi chức năng, hoặc như hồi trước giờ em cũng không có khái niệm gì về gọi là dược lâm sàng mà khi nghe tên gọi em nghĩ là pha thuốc...

Thông qua hình thức giảng dạy dựa trên tình huống, sinh viên nhìn nhận rõ thêm vai trò của bác sĩ, dược sĩ, điều dưỡng, và phục hồi chức năng trong điều trị, chăm sóc và phục hồi cho người bệnh.

SV2: khi học môn này thì có những tình huống tụi em cần phối hợp giải quyết cùng nhau. Như là bác sĩ thì cần đưa ra chỉ định gì, điều dưỡng có những can thiệp điều dưỡng nào, rồi phục hồi chức năng sẽ tham gia vào những nội dung nào, nhất là dược lâm sàng tham gia suốt quá trình thì sẽ đóng vai trò thế nào. Khi thực hành như vậy thì tụi em mới rõ là mình sẽ làm gì và đồng nghiệp của mình sẽ làm gì....

Bên cạnh đó, môn học giúp sinh viên phân tích và nhận diện sự cần thiết của những ngành nghề khác như là công tác xã hội, tâm lý học, Y tế công cộng và Y học dự phòng

SV1: qua những tình huống, em nghĩ không chỉ có 4 ngành mà còn nhiều ngành khác cần phối hợp, như dinh dưỡng vì có những trường hợp người bệnh cần tình trạng dinh dưỡng tốt mới hồi phục được, hay tâm lý, xã hội....

Ngoài việc biết và hiểu rõ hơn về vai trò, chức năng và công việc của những ngành nghề khác, bản thân sinh viên có cơ hội nhìn nhận lại vị trí và đóng góp ngành nghề của mình trong hệ thống chăm sóc sức khỏe người bệnh. Sinh viên nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của ngành nghề của chính bản thân cũng như tăng thêm trách nhiệm quảng bá hình ảnh nghề nghiệp đến người khác

SV5: em nhận ra ngành của em thì mọi người vẫn chưa hiểu lắm. Em nhận rất nhiều câu hỏi từ mọi người về ngành nghề của mình. Lúc đầu em rụt rè và sợ hãi lắm, vì em thấy ngành

em nhỏ nhoi so với các ngành khác, nhưng khi em cảm nhận được sự tôn trọng từ mọi người, em tự tin hơn để trình bày về nghề của mình. Em tự nhận ra nghề của mình cũng rất quan trọng, chỉ là trước đây em không tự tin...

Hoặc

SV1: bất kỳ ngành nào á, cũng đều đóng vai trò quan trọng cho nên không có bất cứ thông điệp truyền tải nào là sai mà chỉ là do chưa hiểu nhau...

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên có sự thay đổi trong nhận thức về ngành nghề mình đang học và những ngành nghề khác. Sinh viên thấy được sự tham gia và vai trò từng ngành nghề một cách cụ thể trong hệ thống chăm sóc sức khỏe. Việc hiểu rõ từng ngành nghề giúp sinh viên có nền tảng thông tin hướng tới xác định những kỹ năng cần thiết trong phối hợp giữa các ngành nghề với nhau.

Giao tiếp (communication) và phối hợp (collaboration). Sinh viên cho rằng môn học giáo dục liên ngành (IPE) giúp đạt được và nâng cao kỹ năng giao tiếp giữa các ngành nghề thông qua sự thấu hiểu và tôn trọng lẫn nhau, một trong những nguyên lý cốt lõi của làm việc nhóm và đảm bảo an toàn người bệnh.

SV 12: khi học, tụi em được nâng cao kỹ năng giao tiếp, em nghĩ khá là quan trọng do có thể giảm thiểu được các sự cố y khoa mà do là vấn đề giao tiếp giữa nhân viên y tế này với nhau. Như giao tiếp giữa bác sĩ và điều dưỡng về nhóm thuốc chỉ định, nhiều lúc thông tin không rõ ràng có thể dẫn tới sai sót...

Việc thực hành và trải nghiệm làm việc phối hợp giữa các ngành trong từng tình huống được thiết kế cụ thể giúp sinh viên tự xác định mô hình giao tiếp phù hợp và hiệu quả cho từng cá thể.

SV4: thường thì tụi em cũng không có sự tương tác giữa các ngành với nhau quá nhiều trong quá trình học do chương trình học là khác nhau. Khi tham gia môn học này, tụi em bước vào một môi trường mà tương tác liên ngành diễn ra liên tục...

Hoặc

SV7: bọn em được trải nghiệm nhiều mô hình giao tiếp để làm sao đưa thông tin hiệu quả, liên kết với nhau và hệ thống. Cũng như học về cách góp ý cho đồng nghiệp, rồi cách nói chuyện hay là các cách đưa ra phản hồi...

Sinh viên cho rằng ngoài kỹ năng giao tiếp, điều quan trọng chính là tạo ra phương thức giao tiếp chung mà mọi đối tượng đều quen thuộc từ đó sẽ dễ dàng cho sự thấu hiểu nhau

SV14: ...em nghĩ rằng nó sẽ có hiệu quả khi mà mọi người cùng sử dụng chung một phương thức phương pháp giao tiếp với nhau. Em thấy nó

sẽ dễ dàng để trao đổi thông tin khi tất cả đều quen thuộc với phương thức làm việc như vậy

Hiệu quả làm việc nhóm cũng được nâng cao khi có được sự phối hợp giữa các ngành, đặc biệt trong công tác điều trị, chăm sóc và phụ hồi cho người bệnh. Các kỹ năng lắng nghe, thấu hiểu, hay đặt mình vào vị trí người khác cũng được phát triển thêm

SV9: tụi em hiểu ngành nghề của nhau hơn nên khi gặp sự khác biệt, ví dụ như giải quyết tình huống có người bệnh, tụi em ít gặp mâu thuẫn. Khi em tiếp nhận ý kiến khác với suy nghĩ của mình, em sẽ suy nghĩ thêm là tại sao có sự khác biệt đó, khác lúc trước là em sẽ tranh luận xem ý kiến nào tốt hơn

Kết quả ghi nhận sinh viên được thực hành và nâng cao kỹ năng giao tiếp, phối hợp làm việc nhóm thông qua môn học IPE. Sinh viên ghi nhận hiệu quả của làm việc nhóm trong giải quyết vấn đề khi các kỹ năng giao tiếp và phối hợp được rèn luyện và áp dụng. Từ đó góp phần hình thành khung kỹ năng làm việc liên ngành.

Tôn trọng (respect) và thấu hiểu (empathy). Sinh viên cho thấy có thái độ tích cực khi cho rằng môn học đóng vai trò quan trọng và vô cùng cần thiết trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

SV2: ...cảm nhận của em là môn học này rất là thực sự thực sự rất cần thiết có thể giúp cho tụi em hiểu hơn về các ngành nghề để từ đó có những cái gọi là phối hợp trong công việc có mục tiêu cao nhất là lấy làm làm trung tâm và chăm sóc cho bệnh nhân...

Đặc biệt, khái niệm tôn trọng và thấu hiểu được xem là cốt lõi trong việc phối hợp liên ngành. Tôn trọng ngành nghề lẫn nhau giúp bản thân suy xét một hiện tượng sự vật, trong ngữ cảnh này là những vấn đề liên quan điều trị, chăm sóc, phục hồi và đảm bảo an toàn người bệnh, một cách đa chiều dưới nhiều góc nhìn khác nhau để từ đó đưa ra những quyết định dựa trên cơ sở thống nhất các quan điểm.

SV13: đến với việc học môn Id này mang lại cho em em nghĩ đó là sự tôn trọng và bình đẳng tại vì đối với các bạn ở mỗi ngành thì đều có cái tự tôn nghề nghiệp và thật ra thì không có ngành nào muốn là ngành mình bị xem thường cả.

Và:

SV12: tụi em thường ra quyết định khi đạt được sự thống nhất, hiển nhiên có những quyết định tụi em tranh luận khá nhiều. Nhưng em thấy rất "đã" vì cái quyết định cuối cùng của nhóm luôn khiến em tâm đắc. Em thấy nó hay hơn quyết định của riêng mình em ban đầu, nó sao ta... khá là toàn diện... nhiều khi em không nghĩ

tới nhóm mình ra cái quyết định hay như vậy....

Sinh viên nhận thức rõ vai trò và vị trí của mình ở đâu trong bối cảnh hệ thống sức khỏe Việt Nam, cụ thể là từng tình huống lâm sàng ở những ngữ cảnh khác nhau. Việc nhận thức rõ bản thân và đồng nghiệp giúp sinh viên xác định rõ mình cần làm gì và các ngành nghề khác có thể hỗ trợ như thế nào, từ đó phát huy sức mạnh tập thể.

SV6: em nghĩ tụi em có một cái nhìn khách quan và một sự tôn trọng hơn đối với tất cả các ngành nghề khác và với lại thêm một cái nữa đó là em cũng cảm thấy các ngành nghề khác cũng sẽ giúp cần giúp đỡ cho mình trong quá trình mình làm việc

Sinh viên cũng nhận diện ra được tính đa chiều và đa dạng của một sự vật hay hiện tượng thông qua những lăng kính khác nhau khi đặt mình ở vai trò ngành khác trên nền tảng tôn trọng và thấu hiểu

SV8: em cảm giác là tự hào về cái ngành em đang học và cho em cảm giác là mình hứng thú, mong chờ được trao đổi với các bạn để cùng nhau giải quyết vấn đề từ nhiều góc nhìn khác nhau. Em hứng thú vì có nhiều trao đổi từ các ngành khác khá là khác biệt với những suy nghĩ mà em thường quen thuộc trong ngành học của em... nó như kiểu mình nhìn thấy một điều gì đó mới mẻ từ những hình ảnh quen thuộc....

Hoặc

SV11: khi em nghe các bạn nói và giải thích trên quan điểm ngành nghề của các bạn, em mới hiểu tại sao các bạn có suy nghĩ như vậy. Trước đây em thấy có nhiều quan điểm vô lý từ ngành nghề khác, do em cũng có đi lâm sàng và gặp, nhưng khi nghe các bạn giải thích em thấy nó vẫn phù hợp, chỉ là em và bạn nghĩ khác nhau thôi... hiển nhiên là tụi em phải giải quyết cái sự khác biệt đó khi đưa ra quyết định chung

Kết quả cho thấy, thông qua việc tôn trọng và thấu hiểu về ngành nghề của nhau, sinh viên tiến tới chấp nhận sự khác và cùng nhau tìm cách giải quyết sự khác biệt đó.

IV. BÀN LUẬN

Chương trình môn học giáo dục liên ngành (IPE) có sự tham gia của bốn ngành bao gồm bác sĩ đa khoa, điều dưỡng, dược và phục hồi chức năng, ít hơn các nghiên cứu khác trên thế giới có các ngành nghề như tâm lý học, nhân viên xã hội, nha sĩ [6]. Bác sĩ đa khoa và điều dưỡng chiếm tỉ lệ cao nhất, phù hợp với cấu trúc về số lượng đào tạo của các ngành nghề tại Đại học Y Dược TPHCM.

IPE góp phần giúp sinh viên các ngành nghề

hiểu rõ về nhau từ đó nhận ra được sự khác biệt về vai trò chức năng trong công việc của từng ngành nghề. Tương tự nghiên cứu của Teuwen và cộng sự (2022), thông qua IPE sinh viên có cơ hội giới thiệu ngành nghề bản thân cũng như lắng nghe thông tin từ ngành nghề khác từ đó gia tăng sự hiểu biết nghề nghiệp lẫn nhau [7]. Teuwen và cộng sự (2022) ghi nhận đây chính là ảnh hưởng quan trọng nhất mà IPE mang lại [7]. Sinh viên UMP cho rằng các ngành nghề gần như không có sự trao đổi thông tin về vai trò và chức năng của nhau trong chương trình đào tạo trước đây, và IPE được phát triển trong đổi mới chương trình đã giải quyết được vấn đề này.

Bên cạnh đó nghiên cứu ghi nhận kết quả sinh viên cho rằng có sự nâng cao kỹ năng giao tiếp và làm việc phối hợp. Điều này tương đồng với tổng quan hệ thống của Zenani và cộng sự (2023) khi ghi nhận IPE góp phần chuẩn bị sinh viên kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hướng tới giải quyết những tình huống trên lâm sàng [9]. Zenani và cộng sự (2023) cũng báo cáo rằng sinh viên gia tăng sự thấu hiểu các ngành nghề phối hợp từ đó tăng sự tôn trọng khi làm việc cùng nhau. Đây chính là một kết quả quan trọng được tìm thấy trong nghiên cứu [9].

V. KẾT LUẬN

Thông qua tìm hiểu trải nghiệm của sinh viên khi tham gia IPE, nghiên cứu tìm thấy: 1) sự thay đổi và nâng cao nhận thức về vai trò các ngành nghề; 2) sự nâng cao kỹ năng giao tiếp và làm việc phối hợp; và 3) sự tôn trọng và thấu hiểu các ngành nghề khác.

VI. LỜI CẢM ƠN

Nhóm nghiên cứu xin chân thành cảm ơn Đại học Y Dược Tp Hồ Chí Minh đã tạo điều kiện giúp nghiên cứu được thực hiện. Nhóm nghiên cứu xin cảm ơn đến tất cả các sinh viên đã đồng ý tham gia vào nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Berger-Estilita J, Chiang H, Stricker D, Fuchs A, Greif R, McAleer S.** Attitudes of medical students towards interprofessional education: A mixed-methods study. *PloS one*. 2020 Oct 21;15(10):e0240835.
2. **D'amour D, Oandasan I.** Interprofessionalitv as the field of interprofessional practice and interprofessional education: An emergina concept. *Journal of interprofessional care*. 2005 May 1;19(sup1):8-20.
3. **Gambino K M, Frawley S, Lu W H,** "Working Together: Addressing Cultural Diversity, Patient Safety, and Quality Care Through an Interprofessional Health Care Course", *Nursing Education Perspectives*. 2019. pp.
4. **Oandasan I, Reeves S.** Key elements of

- interprofessional education. Part 2: factors, processes and outcomes. *Journal of Interprofessional care*. 2005 Mar 1;19(sup1):39-48.
5. **Saraqih ID, Tarihoran DE, Sharma S, Chou FH.** A systematic review and meta-analysis of outcomes of interprofessional education for healthcare students from seven countries. *Nurse Education in Practice*. 2023 Jun 29;103683.
 6. **Svahrizal D, Renaldi T, Dianti SW, Jannah N, Rachmah R, Firdausa S, Vonna A.** The differences in perceptions of interprofessional education among health profession students: The Indonesian experience. *Journal of multidisciplinary healthcare*. 2020 May 12:403-10.
 7. **Teuwen C, van der Burgt S, Kusurkar R, Schreurs H, Daelmans H, Peerdeman S.** How does interprofessional education influence students' perceptions of collaboration in the clinical setting? A qualitative study. *BMC Medical Education*. 2022 Dec;22(1):1-0.
 8. **World Health Organization.** Framework for action on interprofessional education and collaborative practice. World Health Organization; 2010. Retrieved from https://iris.who.int/bitstream/handle/10665/70185/WHO_HRH_HP_N_10.3_eng.pdf?sequence=1
 9. **Zenani NE, Sehularo LA, Gause G, Chukwuere PC.** The contribution of interprofessional education in developing competent undergraduate nursing students: integrative literature review. *BMC nursing*. 2023 Sep 14;22(1):315.

ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG MINI IMPLANT VÀ HÀM PHỦ TRÊN MINI IMPLANT SAU 5 NĂM

Phạm Thị Lan Anh¹, Lữ Lam Thiên¹

xương viên

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Hàm phủ trên mini implant (MI) là một lựa chọn điều trị thay thế cho hàm phủ trên hai implant đường kính thường quy ở những bệnh nhân (BN) lớn tuổi, có nhiều bệnh toàn thân và sống hàm tiêu xương nhiều. Ở Việt Nam, trong khi có nhiều nghiên cứu (NC) về MI, vẫn còn ít các nghiên cứu đánh giá về sự thành công của hàm phủ hàm dưới nâng đỡ trên MI sau thời gian dài. **Mục tiêu:** Đánh giá hiệu quả của MI nâng đỡ hàm giả toàn phần hàm dưới sau 5 năm trên các khía cạnh: MI, tình trạng phục hình, sự hài lòng của BN, và ghi nhận các biến chứng (nếu có). **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Báo cáo loạt ca trên các BN được điều trị hàm phủ hàm dưới trên MI (trong nghiên cứu của tác giả Lê Thị Phương Lan, 2015). BN được khám lâm sàng, chụp phim quanh chóp vùng có MI và đánh giá về MI (bao gồm độ vững ổn, tình trạng mô mềm, sự tồn tại và mức độ tiêu xương quanh implant), tình trạng hàm phủ (bao gồm độ lưu giữ, độ vững ổn, tình trạng khớp cắn), mức độ hài lòng với hàm giả qua bảng câu hỏi và các biến chứng. **Kết quả:** Sau 5 năm, mức độ vững ổn của 19 MI kém (10 < PTVs < 20). Hơn 80% MI có PII và GI ở mức độ 2 và 3. Mật xương theo chiều dọc: $3,59 \pm 1,25$ mm, chiều ngang là $1,2 \pm 0,96$ mm. Tỷ lệ tồn tại tích lũy của MI là 78,95%. Hàm giả lưu giữ kém, thấp kích thước dọc, tuy nhiên 100% vững ổn tốt. BN rất hài lòng với hàm giả. Gần 50% các MI bị mòn đầu bi. **Kết luận:** MI tồn tại trong miệng sau 5 năm, giúp nâng đỡ phục hình toàn hàm hàm dưới. Việc BN kém bảo trì hàm giả, khó khăn trong việc giữ vệ sinh quanh MI là vấn đề cần quan tâm. **Từ khóa:** mini implant, hàm phủ hàm dưới, tiêu

SUMMARY

EVALUATION OF MINI IMPLANTS AND MINI IMPLANT-RETAINED OVERDENTURES AFTER 5 YEARS

Background: Mini-implant (MI) for overdentures is an alternative treatment option to two conventional implants in elderly patients with systemic diseases and severe bone resorption. In Vietnam, in spite of many studies on MI, there are still few studies evaluating the success of MI-supported mandibular overdentures after long period of use. **Objectives:** Evaluate the effectiveness of MI to support a mandibular complete denture after 5 years on the following aspects: MI, denture condition, patient's satisfaction, and complications (if any). **Materials and methods:** Case-study report on patients treated with mandibular overdenture on MI (in the study of Le Thi Phuong Lan, 2015). Patients were examined clinically, taken periapical radiographs of the area with MI and evaluated the MI (including stability, soft tissue condition, existence and severity of bone loss around the implant), the overdenture's condition (retention, stability, occlusion), patient's satisfaction with dentures (via the questionnaires) and complications. **Results:** The stability of 19 MIs was poor (10 < PTVs > 20). More than 80% of MIs have PII and GI at 2nd and 3rd degree. Vertical bone loss: 3.59 ± 1.25 mm, horizontal 1.2 ± 0.96 mm. The cumulative survival rate of MI was 78.95%. The dentures have poor retention, low vertical dimensions, but complete stability. The patients are very satisfied with the denture. Nearly 50% of MIs have worn ball heads. **Conclusion:** The existence of MI after long time helps to support the mandibular overdenture. Poor denture maintenance and difficulty in maintaining hygiene around the MI are issues of concern in these patients. **Keywords:** mini implant, mandibular overdenture, marginal bone loss

¹Đại Học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm chính: Phạm Thị Lan Anh

Email: ptlan@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 3.01.2024

Ngày phản biện khoa học: 16.2.2024

Ngày duyệt bài: 7.3.2024